

Số: 78/2024/QĐST- DS

Tp. Trà Vinh, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 271/2023/TLST - DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “*tranh chấp đòi lại tài sản và di dời tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 16/9/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà **Phan Thị Nhân H**, sinh năm 1970.

- Bà **Phan Nhân Đức H1**, sinh năm 1984.

Cùng nơi cư trú: Số 232/3, phường 5, Quận A, Thành phố H. Người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1: Ông Lê Phước Th, sinh năm 1950; Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2023).

- Ông **Phan Nhân A** (chết năm 2021). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Nhân A: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1948 (vợ ông A); ông Phan Nhân A Q, sinh năm 1994 (con ông A). Cùng nơi cư trú: phường BH, Quận BT, Thành phố H. Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ng, ông Phan Nhân A Q: Ông Lê Phước Th, sinh năm 1950; Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1: Luật sư Nguyễn Văn N, Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TV.

Bị đơn: Bà **Lâm Thị Ngọc X**, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: khóm 2, phường C, thành phố T, tỉnh TV. Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị Ngọc X: Ông Nguyễn Truyền Th1, sinh năm 1976; Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lữ Thị Cẩm V**, sinh năm 1955.

- Ông **Trần Quang M**, sinh năm 1958 (chết năm 2021). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Quang M: Bà Lữ Thị Cẩm V, sinh năm 1955 (vợ ông M); ông Trần Lữ BM, sinh năm 1983 (con ông M). Cùng nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV. Người đại diện hợp pháp của ông Trần Lữ BM: Bà Lữ Thị Cẩm VM, sinh năm 1955; Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV. Nơi tạm trú: 163 khóm 2, phường C, thành phố T, tỉnh TV. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2023).

- Ông **Lâm Ngọc V**, sinh năm 1959.

- Ông **Lâm Nhật Q**, sinh năm 1984.

- Bà **Nguyễn Thị M1**, sinh năm 1959.

Cùng nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV. Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Ngọc V, bà Nguyễn Thị M1, ông Lâm Nhật Q1: Bà Lâm Thị Ngọc X1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024).

- Bà **Lâm Mỹ D**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV.

- Ông **Lê Phước Th**, sinh năm 1950.

Nơi cư trú: ; Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh TV

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Phước Th, Luật sư Nguyễn Văn N, bà Lâm Thị Ngọc X, ông Nguyễn Truyền Th1, chị Lâm Mỹ D1, bà Lữ Thị Cẩm V1 thống nhất thỏa thuận:

- Bà Lâm Thị Ngọc X, chị Lâm Mỹ D, ông Lâm Ngọc V, bà Nguyễn Thị M, anh Lâm Nhật Q tự nguyện tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản có trên đất ra khỏi phần đất tranh chấp 136,7m² để giao trả cho bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1 quyền sử dụng đất diện tích thực đo theo sơ đồ bản vẽ máy là phần A = 136,7m² thuộc thửa 186 (Trong đó, có 46,7m² thuộc HLATĐB), loại đất ODT, tờ bản đồ số 8, tọa lạc khóm 2, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (theo tài liệu đo đạc năm 1998).

* Phần đất có tứ cận chung như sau:

+ Hướng Bắc giáp thửa 186 có số đo 2,73m và 4,27m.

+ Hướng Nam giáp thửa 186 có số đo 2,46m và 5,34m.

+ Hướng Đông giáp thửa 186 có số đo 5,80m và 12,20m.

+ Hướng Tây giáp vỉa hè có số đo 18m (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

- Bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1 tự nguyện hỗ trợ cho bà Lâm Thị Ngọc X số tiền 2.700.000.000đ (*hai tỷ bảy trăm triệu đồng*) bao gồm tiền di dời, công sức gìn giữ, tôn tạo, cải tạo đất và cả tiền bồi thường nhà cửa, công trình phụ có trên đất.

- *Thời hạn giao nhận đất và giao nhận tiền:*

+ Ngày 24 tháng 9 năm 2024 bà Phan Thị Nhân Hiền, bà Phan Nhân Đức Huệ tự nguyện giao cho bà Lâm Thị Ngọc Xuân số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*).

+ Ngày 14 tháng 10 năm 2024 bà Lâm Thị Ngọc X, chị Lâm Mỹ D, ông Lâm Ngọc V, bà Nguyễn Thị M, anh Lâm Nhật Q phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản có trên đất ra khỏi phần đất tranh chấp 136,7m² để giao trả cho bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1 quyền sử dụng đất diện tích thực đo theo sơ đồ bản vẽ máy là phần A = 136,7m² thuộc thửa 186 (Trong đó, có 46,7m² thuộc HLATĐB), loại đất ODT, tờ bản đồ số 8, tọa lạc khóm 2, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (theo tài liệu đo đạc năm 1998). Đồng thời, bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1 có nghĩa vụ giao cho bà Lâm Thị Ngọc X số tiền 1.700.000.000đ (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*).

Bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định này.

* Bà Lâm Thị Ngọc X rút toàn bộ yêu cầu phản tố; bà Lữ Thị Cẩm V, ông Trần Lữ BM rút toàn bộ yêu cầu độc lập, được Tòa án đình chỉ giải quyết theo điểm g khoản 1 Điều 217; điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Án phí dân sự sơ thẩm là 43.000.000đ. Trong đó:

+ Bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1 tự nguyện chịu 50% là 21.500.000đ nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000đ theo các Biên lai thu tiền số 0016953 ngày 13/6/2018; số 0000797 và 0000798 cùng ngày 11/7/2024. Bà H và bà H1 phải nộp thêm 20.600.000đ.

+ Bà Lâm Thị Ngọc X tự nguyện chịu 50% là 21.500.000đ. Do bà Lâm Thị Ngọc X là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được Tòa án chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâm Thị Ngọc X theo quy định điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- *Về Chi phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin:* Bà Phan Thị Nhân H,

bà Phan Nhân Đức H1 đã nộp tạm ứng 15.000.000đ. Đã chi cho việc thẩm định, định giá và cung cấp thông tin là 3.842.970đ. Bà Phan Thị Nhân H, bà Phan Nhân Đức H1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này là 3.842.970đ. Số tiền còn lại 11.157.030đ bà H, bà H1 được quyền liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh để nhận lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục Thi hành án DS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Gấm